

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG SÔNG CẦU**

Số: 17 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Sông Cầu, ngày 14 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG SÔNG CẦU
KHÓA I, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 0498/QĐ-UBND ngày 21/7/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Đắk Lắk sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 009/2025/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk Quy định các nhiệm vụ chi tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và mức hỗ trợ đối với từng đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 01030/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc bổ sung có mục tiêu năm 2025 cho các xã, phường để hỗ trợ các nhiệm vụ chi tổ chức thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 01326/QĐ-UBND ngày 16/9/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 01531/QĐ-UBND ngày 01/10/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để chi trả chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 16/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Xét Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 02/10/2025 của Ủy ban nhân dân phường về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 20/BC-BKTNS ngày 10/10/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị dự toán để thực hiện nhiệm vụ với **số tiền 26.780,5 triệu đồng**, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là 8.184 triệu đồng.
- Chi thường xuyên là 18.328,5 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia là 268 triệu đồng.

(Chi tiết theo các phụ lục 01, 02, 03 đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân phường và các cơ quan liên quan về tính chính xác, số liệu và các nội dung liên quan. Báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân phường theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các ban Hội đồng nhân dân phường, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Sông Cầu khóa I, Kỳ họp chuyên đề lần thứ Hai thông qua ngày 14 tháng 10 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- TT. UBND tỉnh (b/c);
- TT. Đảng ủy phường;
- TT. HĐND; UBND; UBMTTQVN phường;
- Các ban HĐND; Đại biểu HĐND phường;
- Các cơ quan, đơn vị phường;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Công Hoan

Phụ lục 01
DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NSNN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025
 (Kèm theo Nghị quyết số: 17 /NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2025 của HĐND phường Sông Cầu)

Stt	Chỉ tiêu	Quyết định số 01326/QĐ-UBND ngày 16/9/2025	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Số đã chi trước 30/6/2025 (trước khi sáp nhập)					Dự toán chuyển giao nguyên trạng	Dự toán phân bổ kỳ này	Dự toán chưa phân bổ	Ghi chú
				Tổng số	Xuân Phú	Xuân Yên	Xuân Phương	Xuân Thịnh				
	TỔNG SỐ:	25.131	25.131	3.926,355	90,774	85,732	1.285,858	2.463,991	110	17.111,000	3.983,645	
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	8.184	8.184	3.313			1.194,144	2.118,997			4.870,859	
1	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.122	4.122	419,814			96,805	323,009			3.702,186	
	- Dự án giao xã quản lý	1.417	1.417								1.417	
	- Vốn đối ứng Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	2.705	2.705	419,814			96,805	323,009			2.285,186	
2	Chi đầu tư từ nguồn Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	1.430	1.430	1.196,102			499,877	696,225			233,898	
3	Chi đầu tư từ nguồn NS tỉnh đối ứng Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	2.632	2.632	1.697,225			597,462	1.099,763			934,775	
4	Chi đầu tư từ nguồn vốn huy động, đóng góp XDCSHT											
II	CHI THƯỜNG XUYỀN	16.679	16.679,000	613,214	90,774	85,732	91,714	344,994	110	16.843,000	-887,214	
1	Chi an ninh	67	67							67		
1.1	Văn phòng HĐND và UBND		67							67		
	- Kinh phí chi trả chế độ theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Phú Yên		67							67		
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	110	110						110			
2.1	Sự nghiệp giáo dục	110	110						110			
	- Kinh phí chi trả chế độ cho số biên chế giáo viên tăng thêm năm 2024		110						110			
	+ Trường Mầm non Xuân Yên		37						36,600			

[illegible]

[illegible]

Stt	Chỉ tiêu	Quyết định số 01326/QĐ-UBND ngày 16/9/2025	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Số đã chi trước 30/6/2025 (trước khi sáp nhập)					Dự toán chuyển giao nguyên trạng	Dự toán phân bổ kỳ này	Dự toán chưa phân bổ	Ghi chú
				Tổng số	Xuân Phú	Xuân Yên	Xuân Phương	Xuân Thịnh				
	- Mã số 0499: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng Nông thôn mới		40							40		

Phụ lục 02

PHÂN BỐ DỰ TOÁN KINH PHÍ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 17/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2025 của HĐND phường)

Đvt: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
	TỔNG CỘNG:	1.500	
1	Văn phòng HĐND và UBND	591	
	+ Mua sắm tài sản cá nhân: 02 máy in của 2 PCT; 01 máy tính của PCT; 02 màn hình của PCT HĐND và Phó CVP	38	
	+ Mua sắm tài sản dùng chung: 01 laptop, 01 màn hình Led hội trường; 01 bức phát biểu hội trường; 01 máy scan HĐND; đầu ghi phòng họp trực tuyến	135	
	+ Kinh phí lắp hệ thống WIFI, hệ thống Camera; cài đặt, sửa chữa tài sản	112	
	+ Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	18	
	+ Mua sắm máy laptop các Tổ dân phố phục vụ công tác hoạt động	288	
2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	65	
	+ Kinh phí vận chuyển tài sản từ các trụ sở xã, phường cũ tập trung về nơi bảo quản	15	
	+ Kinh phí sơn tường, sửa các cửa phòng phòng làm việc và mua sắm trang thiết bị, vật tư đảm bảo vận hành cơ quan	50	
3	Phòng Văn hoá - Xã hội	214	
	+ Kinh phí sửa chữa các phòng làm việc và hạng mục phụ trợ	50	
	+ Kinh phí mua laptop + máy in phục vụ hoạt động CNTT	26	

Stt	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
	+ Kinh phí sửa chữa trang thiết bị, mua vật tư văn phòng đảm bảo vận hành cơ quan	33	
	+ Kinh phí vận chuyển hồ sơ, tài liệu của các đơn vị cũ bàn giao	105	
4	Trung tâm Phục vụ hành chính công	295	
	+ Kinh phí sửa chữa máy móc, trang thiết bị, mua vật tư văn phòng phục vụ vận hành	21	
	+ Sửa chữa, thay mới hệ thống cửa, trang thiết bị phòng vệ sinh, hệ thống mạng Lan, hệ thống điện	45	
	+ Mua sắm tài sản dùng chung: Hệ thống lấy số xếp hàng tự động, màn hình tivi, 01 laptop + 01 máy in + 01 máy scan	229	
5	Ban Chỉ huy quân sự	45	
	+ Kinh phí vận chuyển trang thiết bị, dụng cụ quân sự	45	
6	Văn phòng Đảng uỷ	290	
	+ Sửa chữa trụ công, bảng tên Trụ sở làm việc; Sửa chữa, cải tạo hệ thống cửa đi, cửa sổ, sơn dặm vá, chống thấm và trần thạch cao Trụ sở làm việc	160	
	+ Mua sắm máy móc, thiết bị	130	

Phụ lục 03
KINH PHÍ HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 02/2025/NQ-HĐND NGÀY 16/7/2025 CỦA HĐND TỈNH
 (Kèm theo Nghị quyết số: 17/NQ-HĐND ngày 14/10/2025 của HĐND phường Sông Cầu)

Đơn vị tính: Ngân đồng

STT	Đơn vị/Đối tượng	Thời điểm hưởng chính sách	Tổng nhu cầu kinh phí đề nghị phê duyệt thời điểm ngày 08/8/2025	Trong đó							Ghi chú
				Hỗ trợ chi phí đi lại			Hỗ trợ thuê nhà ở			Hỗ trợ 1 lần	
				Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Thành tiền	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Thành tiền		
	TỔNG CỘNG		149.500		-	17.000		-	25.500	107.000	
A	PHƯỜNG SÔNG CẦU		149.500		-	17.000		-	25.500	107.000	
I	Văn phòng Đảng uỷ		70.500			17.000			25.500	28.000	
1	Trần Công Hoan	01/7/2025	16.000	6	1.000	6.000	6	1.500	9.000	1.000	
2	Nguyễn Hải Ngân Giang	01/7/2025	16.000	6	1.000	6.000	6	1.500	9.000	1.000	
3	Võ Ngọc Hiền Minh	01/8/2025	13.500	5	1.000	5.000	5	1.500	7.500	1.000	
4	Lê Thị Hoàng Oanh	01/7/2025	1.000							1.000	
5	Nguyễn Hoàng Tự	01/7/2025	1.000							1.000	
6	Nguyễn Xuân An	01/7/2025	1.000							1.000	
7	Bùi Văn Hào	01/7/2025	1.000							1.000	
8	Phạm Hữu Nguyên	01/7/2025	1.000							1.000	
9	Phan Quốc Trung	01/7/2025	1.000							1.000	
10	Ma Thị Ngọc Nga	01/7/2025	1.000							1.000	
11	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	01/7/2025	1.000							1.000	
12	Trịnh Thị Minh	01/7/2025	1.000							1.000	
13	Phan Đỗ Hồng Nhung	01/7/2025	1.000							1.000	

14	Nguyễn Sơn Việt	01/7/2025	1.000							1.000	
15	Nguyễn Chí Thành	01/7/2025	1.000							1.000	
16	Đặng Ngọc Nam	01/7/2025	1.000							1.000	
17	Võ Thị Ngọc Huyền	01/7/2025	1.000							1.000	
18	Nguyễn Thị Anh Thư	01/7/2025	1.000							1.000	
19	Võ Thị Huyền Trang	01/7/2025	1.000							1.000	
20	Đỗ Việt Tuấn	01/7/2025	1.000							1.000	
21	Nguyễn Mạnh Hùng	01/7/2025	1.000							1.000	
22	Nguyễn Thị Bình	01/7/2025	1.000							1.000	
23	Võ Thị Huyền Diễm	01/7/2025	1.000							1.000	
24	Trần Thị Huyền Nhy	01/7/2025	1.000							1.000	
25	Nguyễn Ngọc Tuấn	01/7/2025	1.000							1.000	
26	Phạm Thị Thu Nhó	01/7/2025	1.000							1.000	
27	Lê Thị Xuân Trang	01/7/2025	1.000							1.000	
28	Trần Thị Hoàng Vy	01/7/2025	1.000							1.000	
II	Ủy ban MTTQ Việt Nam phường		10.000	-	-	-	-	-	-	10.000	-
1	Đỗ Thị Thu Hằng	01/7/2025	1.000							1.000	
2	Lê Nguyễn Duy Hận	01/7/2025	1.000							1.000	
3	Trần Thị Phương Linh	01/7/2025	1.000							1.000	
4	Đỗ Ngọc Từ	01/7/2025	1.000							1.000	
5	Võ Đức Hoàng	01/7/2025	1.000							1.000	
6	Võ Thị Hương	01/7/2025	1.000							1.000	
7	Nguyễn Thị Trúc Lam	01/7/2025	1.000							1.000	

8	Đỗ Thị Đẹp	01/7/2025	1.000							1.000	
9	Phạm Văn Đồng	01/7/2025	1.000							1.000	
10	Trần Thị Ngọc Huyền	01/7/2025	1.000							1.000	
III	Văn phòng HĐND và UBND		23.000	-	-	-	-	-	-	23.000	-
1	Lê Hữu Trung	01/07/2025	1.000							1.000	
2	Phạm Thị Nhị	01/07/2025	1.000							1.000	
3	Nguyễn Tấn Thành	01/07/2025	1.000							1.000	
4	Văn Thị Hồng Việt	01/07/2025	1.000							1.000	
5	Phan Thị Hồng	01/07/2025	1.000							1.000	
6	Nguyễn Trung Hải	01/07/2025	1.000							1.000	
7	Huỳnh Thị Kim Đào	01/07/2025	1.000							1.000	
8	Võ Ngọc Thạch	01/07/2025	1.000							1.000	
9	Nguyễn Ngọc Anh	01/07/2025	1.000							1.000	
10	Huỳnh Đình Quang	01/07/2025	1.000							1.000	
11	Phạm Lê Bích Hằng	01/07/2025	1.000							1.000	
12	Đỗ Minh Hoàng	01/07/2025	1.000							1.000	
13	Nguyễn Thị Hồng Thủy	01/07/2025	1.000							1.000	
14	Phạm Thị Thúy Nguyệt	01/07/2025	1.000							1.000	
15	Nguyễn Lê Ngọc Thảo	01/07/2025	1.000							1.000	
16	Đoàn Thị Tuyết Trinh	01/07/2025	1.000							1.000	
17	Nguyễn Hữu Hưng	01/07/2025	1.000							1.000	
18	Nguyễn Thị Minh Ánh	01/07/2025	1.000							1.000	
19	Bùi Ánh Duy	01/07/2025	1.000							1.000	
20	Lê Minh Công	01/07/2025	1.000							1.000	
21	Lê Thanh Kiệt	01/07/2025	1.000							1.000	

22	Phan Chí Tâm	01/07/2025	1.000							1.000	
23	Nguyễn Sơn Hùng	01/07/2025	1.000							1.000	
IV	Phòng Văn hoá - Xã hội		14.000	-	-	-	-	-	-	14.000	-
1	Bùi Thị Thu Kiều	01/07/2025	1.000							1.000	
2	Phạm Văn Cầu	01/07/2025	1.000							1.000	
3	Phạm Văn Hoan	01/07/2025	1.000							1.000	
4	Lê Thị Cẩm Tân	01/07/2025	1.000							1.000	
5	Dương Thị Kim Anh	01/07/2025	1.000							1.000	
6	Lê Tường Chi	01/07/2025	1.000							1.000	
7	Trương Thị Hồng Dàng	01/07/2025	1.000							1.000	
8	Phạm Nguyễn Thuỳ Trang	01/07/2025	1.000							1.000	
9	Lê Thị Kim Trang	01/07/2025	1.000							1.000	
10	Hồ Thị Nga	01/07/2025	1.000							1.000	
11	Hồ Thị Kim Liên	01/07/2025	1.000							1.000	
12	Phạm Thị Thu Hồng	01/07/2025	1.000							1.000	
13	Hồ Lát	01/07/2025	1.000							1.000	
14	Lê Minh Thông	01/07/2025	1.000							1.000	
V	Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị		11.000	-	-	-	-	-	-	11.000	-
1	Trần Thị Như Trúc	01/07/2025	1.000							1.000	
2	Nguyễn Hữu Luân	01/07/2025	1.000							1.000	
3	Đỗ Thị Thoa	01/07/2025	1.000							1.000	
4	Phạm Thị Ngọc An	01/07/2025	1.000							1.000	
5	Đỗ Xuân Đông	01/07/2025	1.000							1.000	
6	Nguyễn Tiến Phiếu	01/07/2025	1.000							1.000	
7	Mai Hoàng Ánh	01/07/2025	1.000							1.000	

8	Đỗ Thị Ngọc Quỳnh	01/07/2025	1.000							1.000	
9	Hà Thị Hiếu	01/07/2025	1.000							1.000	
10	Nguyễn Thị Kim Phiên	01/07/2025	1.000							1.000	
11	Huỳnh Văn Chát	01/07/2025	1.000							1.000	
VI	Trung tâm Phục vụ hành chính công		8.000	-	-	-	-	-	-	8.000	-
1	Nguyễn Thị Thanh Hồng Trang	01/07/2025	1.000							1.000	
2	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	01/07/2025	1.000							1.000	
3	Hồ Thị Xuân Phương	01/07/2025	1.000							1.000	
4	Võ Thị Hồng Thúy	01/07/2025	1.000							1.000	
5	Tô Thị Ni Na	01/07/2025	1.000							1.000	
6	Văn Thị Ánh Tuyết	01/07/2025	1.000							1.000	
7	Phạm Thị Thuỷ Tiên	01/07/2025	1.000							1.000	
8	Trần Thị Nhi	01/07/2025	1.000							1.000	
VII	Trung tâm Chính trị		3.000	-	-	-	-	-	-	3.000	-
1	Ma Thị Kim Dung	01/07/2025	1.000							1.000	
2	Nguyễn Thị Thuỷ Linh	01/07/2025	1.000							1.000	
3	Phạm Đình Quý	01/07/2025	1.000							1.000	
VIII	Trung tâm Văn hoá TT và TTHH		10.000	-	-	-	-	-	-	10.000	-
1	Bùi Ngọc Tuấn	01/07/2025	1.000							1.000	
2	Nguyễn Nhẹ	01/07/2025	1.000							1.000	
3	Lương Hoàng Phú	01/07/2025	1.000							1.000	
4	Nguyễn Hồng Phong	01/07/2025	1.000							1.000	
5	Nguyễn Thị Ngọc Xoa	01/07/2025	1.000							1.000	
6	Trần Thái Thụy	01/07/2025	1.000							1.000	

7	Võ Thị Mỹ Chung	01/07/2025	1.000							1.000	
8	Nguyễn Hoàng Phong	01/07/2025	1.000							1.000	
9	Huỳnh Quang Vũ	01/07/2025	1.000							1.000	
10	Đỗ Quốc Dũng	01/07/2025	1.000							1.000	